

Bản án số: 109/2025/DS-PT  
Ngày: 14- 03-2025  
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quyến

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hoàng Dũng  
Ông Lương Phước Đại

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thảo Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 642/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 284/2024/DSST ngày 23 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2024/QĐPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1975; ĐKTT: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên lạc: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Lý Kim M**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số B, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024). Có mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Minh P, bị đơn là Lý Kim M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Ông P và bà Lý Kim M chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 26/3/2016 (âm lịch) tại nhà bà M (Số A B, H, phường A, quận N, TP Cần Thơ). Đến tháng 7/2016 thì ông P và bà M về ấp M, xã N để mua đất xây dựng làm vựa trái cây, sau đó làm lò sấy cau. Trong thời gian đầu tư và làm hoàn thành lò sấy cau thì ông P có bỏ ra một số tiền để xây dựng vựa trái cây – lò sấy cau như sau: Nhà xưởng có diện tích khoảng 585m<sup>2</sup> (ngang khoảng 13m, dài 45m), trong đó có 04 lò sấy, 02 lò luộc, 02 máy lạnh, đường điện, phòng nghỉ cho nhân công và 01 phòng nghỉ cho ông P và bà M, mua 02 máy quay, 02 xe rửa, 01 chiếc xe 03 bánh, cụ thể như sau:

1. Khi làm nền nhà xưởng ông P đã đổ 01 sà lan cát, tổng cộng số tiền mua cát là 192.500.000 đồng, ông P đã trả số tiền này cho ông Đ.

2. Tiền mua vật tư để làm nhà xưởng, gồm:

- Mua tại Cửa hàng vật liệu xây dựng T (Ú) tổng cộng 178.964.000 đồng (số tiền này do ông P trả)

- Mua tại Cửa hàng V tổng cộng 132.178.000 đồng (số tiền này do ông P trả)

- Mua vật liệu làm nhà vữa trái cây (lò sấy cau), phòng nghỉ và các công trình phụ khác tại Công ty TNHH Đ1 54.802.030 đồng (số tiền này do ông P trả)

- Tiền công làm nhà xưởng và lò sấy, lò luộc hết 123.620.000 đồng (trong đó ông Bùi Đức T1 trả 24.000.000 đồng, ông trả 99.620.000 đồng).

- Số tiền 45.885.000 đồng đầu tư hệ thống điện 03 pha phục vụ cho lò sấy cau Gia P1 mà ông P1 đã ký hợp đồng với Điện lực Kế Sách vào ngày 28/3/2017.

- Vào tháng 11/2017 ông P1 có sửa chữa 01 chiếc xe mô tô, biển số 65F2-3531 bởi ông Trần Quốc T2 với số tiền 16.500.000 đồng. Tại trang 10, Bản án Phúc thẩm số 114/2024/DS-PT ngày 13/5/2024 của Toà án tỉnh Sóc Trăng, bà M xác nhận ông P1 đang quản lý 01 xe mô tô biển số 65F2 - 3531 và bà M đứng tên sở hữu xe. Bà M căn cứ theo Hợp đồng thuê yêu cầu ông P1 phải trả lại xe vừa nêu. Do đó, bà M phải trả lại cho ông P1 số tiền 16.500.000 đồng mà ông P1 đã trả cho ông Trần Quốc T2 (ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng) sửa chữa để hoạt động lại bình thường.

- Vào tháng 5/2018 ông P1 có mua 01 chiếc xe mô tô, biển số 65F1 - 4334 của bà Trần Thị Hồng T3 (ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng) với giá 15.000.000 đồng, sau đó bà Lý Kim M tự ý lấy xe bán lại cho người khác với giá 18.000.000 đồng và bà M chưa trả cho ông P1 số tiền này.

- Vào ngày 19/8/2022 ông P1 có đóng tiền điện với số tiền 27.142.244 đồng về việc hoạt động của H kinh doanh lò cau Gia Phụng, điện tiêu thụ từ ngày 16/7/2022 đến ngày 15/8/2022 (thời điểm này là do bà Lý Kim M đứng ra hoạt động kinh doanh). Do đó, bà Lý Kim M chưa trả cho ông P1 số tiền điện để hoạt động kinh doanh với số tiền 27.142.244 đồng.

Vì vậy, ông P1 khởi kiện buộc bà Lý Kim M có trách nhiệm trả lại cho ông P1 số tiền tổng cộng là 765.591.274 đồng ông P1 đã đầu tư, xây dựng cơ sở sấy cau G, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn bà Lý Kim M trình bày:**

Năm 2016 bà M có mua một phần đất ở Sóc Trăng để xây dựng lò sấy cau và có thuê ông P1 đứng ra trông coi việc xây dựng và có trả tiền công cho ông P1. Do hoạt động không hiệu quả nên vào năm 2017 bà M có cho ông P1 thuê lại (có ký hợp đồng vào năm 2019). Tại Bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên buộc ông P1 có nghĩa vụ trả lại lò sấy cau cho bà M, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả lại số tiền bỏ ra xây dựng lò sấy cau là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền điện 27.142.244 đồng bị đơn thừa nhận ông P1 có đóng, do thời điểm này bà M là người trực tiếp đứng tên đăng ký kinh doanh đối với lò sấy cau Gia P1 nhưng ông P1 là người đang trực tiếp sử dụng lò sấy cau này. Thời điểm đó điện lực có thông báo cho bà M trường hợp không đóng tiền thì điện lực sẽ cắt điện. Do hợp đồng thuê đã hết nhưng ông P1 không giao trả lò sấy cau cho bà M nên bà M không đóng tiền điện cho điện lực và đồng ý cho cắt điện. Do sợ bị

cất điện ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nên ông P1 đã đi nộp tiền cho điện lực.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu City biển số 65F2 – 3531 tại bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên buộc ông P1 có nghĩa vụ trả lại cho bà M nhưng đến nay vẫn chưa thi hành được do ông P1 không bàn giao.

Do đó ông P1 chỉ là người làm thuê cho bà và sau đó thuê nhà xưởng của bà, hoàn toàn không có việc hùn vốn xây dựng nhà xưởng như ông P1 trình bày. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 284/2024/DS-ST ngày 23/09/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lý Kim M trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh P số tiền điện đã đóng là 27.142.244 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lý Kim M trả lại cho nguyên đơn số tiền 738.449.030 gồm các khoản: T4 mua cát là 192.500.000 đồng; T4 mua vật tư để làm nhà xưởng 371.464.000 đồng; T4 mua vật liệu làm nhà vữa trái cây (lò sấy cau), phòng nghỉ và các công trình phụ khác 54.802.030 đồng; T4 công làm nhà xưởng và lò sấy, lò luộc 99.620.000 đồng; Tiền đầu tư hệ thống điện 03 pha 45.885.000 đồng; Tiền sửa chữa 01 chiếc xe mô tô biển số 65F2 - 3531 là 16.500.000 đồng; Tiền bà M bán xe 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2024, ông Nguyễn Minh P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà M trả lại cho ông 738.449.030 đồng tiền đầu tư, xây dựng cơ sở sấy cau G.*

*Ngày 07/10/2024, bà Lý Kim M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông P về việc buộc bà trả lại 27.142.244 đồng tiền điện.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Ông Cao Văn K, bà Đoàn Thị Kim C xác định có bán vật liệu xây dựng, ông Võ Tấn D xác định có làm thợ xây dựng, do ông P mua và trả tiền, còn nguồn gốc tiền ở đâu, cơ sở lò sấy cau Gia Phụng của ai thì không biết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Nguyên đơn, Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[2.1] Nguyên đơn trình bày có hùn vốn hợp tác kinh doanh với bị đơn để kinh doanh vựa trái cây và lò sấy cau, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có việc hợp tác, trong khi bị đơn không thừa nhận, vì vậy lời trình bày của nguyên đơn là chưa có cơ sở xem xét.

Ông P cho rằng, vào năm 2016, ông có bỏ tiền ra để đầu tư xây dựng xây dựng lò sấy cau, ông có cung cấp các hóa đơn, phiếu bán hàng về việc mua vật tư... nhưng bà M không thừa nhận; bà M cho rằng những hóa đơn này bà nhờ ông P mua và đưa tiền cho ông P trả tiền công, vật tư. Xét thấy, việc xây dựng lò sấy cau diễn ra từ năm 2016, ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc hai bên có thỏa thuận hợp tác đầu tư. Ngoài ra, ngày 29/8/2019, giữa ông P và bà M có ký “Hợp đồng cho thuê” được UBND xã N, huyện K chứng thực, nội dung thể hiện: *Bà Lý Kim M cho ông Nguyễn Minh P thuê lò sấy cau Gia Phụng nêu trên, giá thuê 15.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê: 12 tháng là hết hợp đồng, mỗi năm sẽ tăng 1.000.000 đồng/tháng khi không có thay đổi, nếu bên A có thay đổi thì phải báo cho bên B biết trước 01 tháng để sắp xếp giao trả....*, ông P không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng, nhưng theo Kết luận giám định số 130/KLTL-KTHS ngày 15/8/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh S, Bản án phúc thẩm số 114/2024/DS-PT ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định chữ ký trong hợp đồng là của ông Nguyễn Minh P. Đồng thời, tại Bản án phúc thẩm số 114/2024/DS-PT còn buộc ông Nguyễn Minh P có nghĩa vụ giao trả toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị như: 01 kho lạnh, 04 lò sấy cau, 02 lò luộc, 01 đường ray và trục cầu cau, 01 xe mô tô biển số 65F2 – 3531 và các công trình kiến trúc xây dựng tại cơ sở sấy cau G, tọa lạc trên thửa đất số 09 cho bà Lý Kim M. Điều này chứng tỏ không có căn cứ xác định ông P có hùn tiền đầu tư cơ sở lò sấy cau, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông P là có căn cứ.

[2.2] Đối với số tiền 16.500.000 đồng sửa xe mô tô, biển số 65F2 - 3531 bởi ông Trần Quốc T2. Theo “Đơn xin xác nhận” của ông Trần Quốc T2 (do ông P cung cấp) thì vào ngày 09/3/2018, ông T2 có sửa xe ô tô biển số 65F2 – 3531 hết 16.500.000đ. Tuy nhiên việc sửa chữa xe không được bà M thừa nhận, ngoài ra tại hợp đồng cho thuê cơ sở G được chứng thực ngày 29/8/2019, có nội dung ông P thuê 02 xe gắn máy của bà M.

- Đối với số tiền bán xe 18.000.000 đồng, Tại tại hợp đồng cho thuê ngày 29/8/2019, xác định ông P có thuê của bà M 02 xe gắn máy nên không có căn cứ xác định xe gắn máy bà M bán (nếu có) là của ông P.

Như vậy, số tiền sửa chữa xe (trước khi làm hợp đồng), tiền bán xe, trong

hợp đồng đều không thể hiện nên không có căn cứ buộc bà M trả lại số tiền này cho ông P.

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Số tiền điện 27.142.244 đồng của H kinh doanh lò cau Gia Phụng từ ngày 16/7/2022 đến ngày 15/8/2022. Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc T thừa nhận ông P có đóng số tiền điện trên do trong khoảng thời gian này ông P trực tiếp sử dụng lò sấy cau nên ông P phải có nghĩa vụ đóng tiền điện. Xét thấy, căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 114/2024/DS-PT ngày 13/5/2024 của Tòa án tỉnh Sóc Trăng xác định bà M là người trực tiếp tham gia điều hành cơ sở kinh doanh trong thời gian này, do đó bà M phải có nghĩa vụ đóng tiền của cơ sở kinh doanh trong thời gian này. Do ông P đã đóng số tiền này nên bà M có nghĩa vụ trả lại cho ông P.

Ông P, bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà M là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh P và bị đơn bà Lý Kim M;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 284/2024/DS-ST ngày 23 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lý Kim M trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh P số tiền điện đã đóng là 27.142.244 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lý Kim M trả lại cho nguyên đơn số tiền 738.449.030 gồm các khoản: T4 mua cát là 192.500.000 đồng; T4 mua vật tư để làm nhà xưởng 371.464.000 đồng; T4 mua vật liệu làm nhà vữa trái cây (lò sấy cau), phòng nghỉ và các công trình phụ khác 54.802.030 đồng; T4 công làm nhà xưởng và lò sấy, lò luộc 99.620.000 đồng; Tiền đầu tư hệ thống điện 03 pha 45.885.000 đồng; Tiền sửa chữa 01 chiếc xe mô tô biển số 65F2 - 3531 là 16.500.000 đồng; Tiền bà M bán xe 18.000.000 đồng.

#### **3. Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Minh P phải chịu 33.537.961 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 15.180.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 0011718 ngày 17/10/2023 tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 00016248 ngày 18/7/2024 tại chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn phải nộp thêm **16.732.961** đồng.

+ Bà M phải chịu **1.357.112** đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh P phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002038 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều; ông P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bà Lý Kim M phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002060 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều; bà M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*  
- VKSND-TPCT  
- TAND Q.Ninh Kiều  
- Các đương sự  
- Chi Cục THADS Q.Ninh Kiều  
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quyến**